

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐDTT

K/g: **D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam**

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/10/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+BK16+VSP02	7:25	8+0+14	0+0+0		5+0+17	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ CTK3-BK16
2		TD2+PPD	7:25	22+0	0+0		17+5	0+0	
3		CNV+TD3	7:25	12+10	0+0		8+14	0+0	
4		TD5+CTK3	7:25	15+7	0+0		15+7	0+0	
5		BK9+RP2+AMD	9:25	7+2+13	0+0+0		5+3+14	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ RP2-AMD
6		P7+P2	9:25	22+0	0+0		15+7	0+0	
7		P9+TD3+BK14	9:25	6+9+7	0+0+0		0+14+8	0+0+0	
8		TD5	9:25	22	0		22	0	
9		PVD2+CTK3	11:25	9+13	0+0		6+16	0+0	
10		PPD	11:25	22	0		22	0	
11		VSP02	11:25	22	0		22	0	
12		CTK3+P5+AMD	11:25	11+0+8	0+0+0		6+6+10	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
4 NGUOI BK14 VỀ QUA TD5

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/10/2018	TO: CTK3 - BK16 - VSP02	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - MQUÂN	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU VAN KHUONG	CTK3	04	1	4		76	ĐANG KIEN	Vietnamese
2	NGUYEN THANH VU	CTK3	05	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VAN BAC	CTK3					53	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG THANH HOA	CTK3	02-03	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI TIEN DUNG	CTK3	08	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG VĂN MẠNH	CTK3	06	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN CUONG A	CTK3	07	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
9	EDUARD YANDYAN	VSP02	92	1	10		85	KH-THAC	Russian
10	NGUYEN VAN QUAN	VSP02	95	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
11	GEFTMAN M . R	VSP02	91	1	7		103	KH-THAC	Russian
12	NGUYEN HUY THAN	VSP02	86-87	2	17		70	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYEN ĐỨC THẮNG	VSP02	50	1	7		70	YTE	Vietnamese
14	BODAN KARPENKO	VSP02	96	1	10		82	KH-THAC	Russian
15	SERGIENKO SERGEY	VSP02	94	1	5		74	KH-THAC	Russian
16	LE VAN HIỆP	VSP02	45	1	4	80	75	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN MINH TUÂN THỊNH	VSP02	89	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
18	LE THANH HOAN	VSP02	93	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG MẠNH THẮNG	VSP02	92	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI ANH SƠN	VSP02	90	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN LÊ MINH TUÂN	VSP02	88	1	5		92	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP02	97	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	8	7	35	515	0	5	1	CHUYEN 01 PAX TU CTK3 SANG BK16
2	BK16	0	0	0	0	0	0		
3	VSP02	14	15	90	1.057	80	17		
TOTAL		22	22	125	1.572	80	22		
WEIGHT KG				125	1.572	80			

GRAND TOAL: 1.777 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/10/2018	TO: TD2 - PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Phong - MTuấn - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GROMOV S.A	TD2	37	1	9	35	85	KHOAN	Russian
2	TÔ ĐÌNH TÚ	TD2	57-58	2	13		68	YTE	Vietnamese
3	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	39-40	2	7		73	KHOAN	Vietnamese
4	TRƯƠNG THANH TÙNG	TD2	36	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
5	BUI TRUNG THỌ	TD2					71	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	49	1	2		79	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TÙNG	TD2	47	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	43-44	2	10		78	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN THẮNG	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ MINH HẢI	TD2	48	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
11	HOÀNG VĂN BẮC	TD2					75	KHOAN	Vietnamese
12	NGÔ VĂN HUY	TD2	51	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH ĐỨC	TD2	45-46	2	18		60	KHOAN	Vietnamese
14	NG VĂN TUẤN	TD2	52-53	2	13		66	NHA THAU	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC HOÀ	TD2	54-55	2	20		62	NHA THAU	Vietnamese
16	NGUYỄN TRƯỜNG SINH	TD2	59	1	9	69	74	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN HÙNG DŨNG	TD2	62	1	13		75	DVL	Vietnamese
18	LƯU BÀ XỎ	TD2	60-61	2	12		75	DVL	Vietnamese
19	ĐÌNH XUÂN TOÀN	TD2	41-42	2	14		61	T-TIN	Vietnamese
20	LÊ NHƯ HIỀN	TD2	38	1	8		57	T-TIN	Vietnamese
21	BUI HỮU TRI	TD2	56	1	6		54	GETRACO	Vietnamese
22	TRẦN VĂN CHÍNH	TD2	50	1	5		50	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	27	174	1.518	104	17		
2	PPD	0	0	0	0	40	5		
TOTAL		22	27	174	1.518	144	22		
WEIGHT KG				174	1.518	144			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

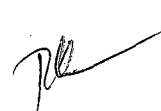
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/10/2018	TO: CNV - TD3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Hồi - MMinh - Năm	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN ANH	CNV	91	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THANH HAI	CNV	88	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
3	DANG DUC HA	CNV	93	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ANH TUAN	CNV	90	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN CUONG	CNV	92	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
6	VU VIET BINH	CNV	89	1	6	80	63	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN ANH HUNG	CNV	84	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐINH VĂN SƠN	CNV	87	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
9	PHUNG VAN KHANH	CNV	83	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRỌNG MẠNH	CNV	85	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN NGỌC TRI	CNV					67	KH-THAC	Vietnamese
12	VU QUANG HAI	CNV	56	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VAN LỢI	TD3	100	1	9		62	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN THANG	TD3					83	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN TRUC TUYEN	TD3	76	1	3	35	62	KHOAN	Vietnamese
16	LUU QUYET THANG	TD3					62	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM THANH DUNG	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
18	ĐẶNG HUY LONG	TD3	77	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
19	ĐẶNG ĐÌNH ĐÌNH	TD3					62	KHOAN	Vietnamese
20	PHUNG VAN XUYEN	TD3	78	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
21	HOANG VAN KHUONG	TD3					85	KHOAN	Vietnamese
22	LE NGOC BINH	TD3	75	1	6		83	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	12	11	79	882	80	8		
2	TD3	10	5	29	698	35	14		
TOTAL		22	16	108	1.580	115	22		
WEIGHT KG				108	1.580	115			

GRAND TOAL: 1.803 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/10/2018	TO: TD5 - CTK3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Cương - VTHU - HTNam	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	UVAISHOV A.X	TD5	65	1	9		96	KHOAN	Russian
2	PHAN HOANG LAM	TD5	61	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
3	ĐAO QUANG MINH	TD5	66	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG NGOC DANH	TD5	56	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN HOANH VU	TD5	60	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
6	LE TIEN DUNG	TD5					73	KHOAN	Vietnamese
7	LE HUY TIEN HAI	TD5	52	1	6	40	65	KHOAN	Vietnamese
8	ĐANG MINH KHAI	TD5	59	1	5		83	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN NGA	TD5	64	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TUAN	TD5	58	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
11	HO HOAN KIEM	TD5	55	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TAN TAI	TD5	54	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
13	BAO NGUYEN LOC	TD5	53	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN QUYET TIEN	TD5	57	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
15	LE XUAN THANG	TD5	62-63	2	15		80	KHOAN	Vietnamese
16	VU CONG KHANG	CTK3	65	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN ANH DUC	CTK3	63	1	5	61	68	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐO VAN TRI	CTK3	68	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DUC HUNG	CTK3	69	1	7		45	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN MINH	CTK3	66	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
21	NGO SY DUC	CTK3	72	1	13		80	KH-THAC	Vietnamese
22	LE NGUYEN	CTK3	67	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	15	15	81	1.074	40	15		
2	CTK3	7	7	44	443	61	7		
TOTAL		22	22	125	1.517	101	22		
WEIGHT KG				125	1.517	101			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/10/2018	TO: BK9 - RP2 - AMD	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - MQUÂN	ETA: 11:20
TIM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU VAN SON	BK9					78	KH-THAC	Vietnamese
2	VO THE HAU	BK9					75	KH-THAC	Vietnamese
3	LE TRUONG AN	BK9	01	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN TRUNG KIEN	BK9	03	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM VAN HUAN	BK9	02	1	8		60	CODIEN	Vietnamese
6	TRAN MANH CUONG	BK9	04	1	6	45	73	CODIEN	Vietnamese
7	BUI DUC KHANH	BK9					60	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC CHAN	RP2	02	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN TUAN ANH	RP2	01	1	7		88	KH-THAC	Vietnamese
10	DUONG VAN HANH	AMD	67-68	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN ANH DUY	AMD	59	1	9		57	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN LE HOA	AMD	53	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
13	DOAN TAN TRI	AMD	55	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HUU LUAT	AMD	65	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN HIEU THAO	AMD	66	1	4	57	56	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN NGOC PHUC	AMD	56	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN THUY	AMD	62	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN BA QUAN	AMD	57-58	2	12		78	KH-THAC	Vietnamese
19	NGO QUANG HUAN	AMD	63	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
20	LE VAN PHANG	AMD	54	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN DUC NHA	AMD	64	1	7		53	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN HUU DANG	AMD	60-61	2	9		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	7	4	23	502	45	5		CHUYEN 1 PAX RP2 SANG AMD
2	RP2	2	2	10	158	0	3	1	
3	AMD	13	16	101	868	57	14		
TOTAL		22	22	134	1.528	102	22		
WEIGHT KG				134	1.528	102			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/10/2018	TO: P7 - P2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Phong - MTuấn - DTùng	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BA LƯỢNG	P7					67	KHOAN	Vietnamese
2	BUI NGOC LAM	P7	72,74	2	20		67	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN CHÂN	P7	44	1	2		56	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HUYNH	P7	76	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN HUY HÙNG	P7	85	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN SĨ LONG	P7	86	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM XUÂN HAI	P7	45	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN HÒA	P7	43	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN THÁI DƯƠNG	P7	83-84	2	15		54	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG DŨNG	P7	80	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ XUÂN TUYẾN	P7	42	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN PHAN	P7	82	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH TÍNH	P7	46	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN XUAN	P7	75	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG THUY	P7	73	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN MINH HIẾU	P7	79	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
17	NGHIÊM ĐÌNH TUẤN	P7	47-48	2	20		66	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ HUY TUYẾN	P7	78	1	10		45	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN NGÂN	P7	77	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM VĂN THIẾT	P7	49,71	2	11		61	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN VĂN MẠNH	P7	81	1	12		62	KHOAN	Vietnamese
22	LÊ NGỌC LUÂN	P7	41	1	10		66	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	22	25	187	1.420	0	15		
2	P2	0	0	0	0	60	7		
TOTAL		22	25	187	1.420	60	22		
WEIGHT KG				187	1.420	60			

GRAND TOAL: 1.667 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/10/2018	TO: P9 - TD3 - BK14	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Hồi - MMinh - Năm	ETA: 11:30
TRANG-2			

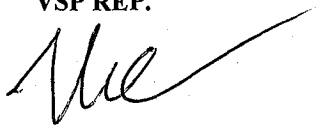
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN SY	P9	50	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HUU TRINH	P9	75	1	7		75	PVGAS	Vietnamese
3	GRANT AUSTIN HOLMES	P9	98-99	2	20		90	PVGAS	British
4	ĐANG ĐỨC TRI	P9	49-50	2	20		112	PVGAS	Vietnamese
5	ĐO NGOC TAN	P9	25	1	8		75	PVGAS	Vietnamese
6	TRAN VAN HUONG	TD3	57	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG NGOC NGHIA	TD3	58	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN ĐỨC THẮNG	TD3	61-62	2	13		77	KHOAN	Vietnamese
9	VU TIEN LUC	TD3					66	KHOAN	Vietnamese
10	ĐINH CHI THAM	TD3	64	1	10		68	NHA THAU	Vietnamese
11	NGUYEN ĐỨC HÒA	TD3	63	1	5	70	65	NHA THAU	Vietnamese
12	ĐO TIEN DUNG	TD3	65	1	4		57	DVL	Vietnamese
13	TRƯƠNG ĐẶNG PHƯƠNG	TD3	59	1	5		93	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN ĐANG NGUYEN	TD3	60	1	4		80	PSV	Vietnamese
15	IAKIMIDI	BK14	10	1	10		98	KH-THAC	Russian
16	LUONG XUAN THANH	BK14	14	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	LE ANH TUAN	BK14	15	1	6		87	KH-THAC	Vietnamese
18	LUONG TUAN ANH	BK14	11	1	8		84	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VIET LONG	BK14	16	1	7	45	77	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM NGOC NINH	BK14	12	1	5		73	PSV	Vietnamese
21	LUONG ANH HAI	BK14	13	1	5		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	5	7	63	427	0	0		
2	TD3	9	9	53	647	70	14		
3	BK14	7	7	46	549	45	8		
TOTAL		21	23	162	1.623	115	22		
WEIGHT KG				162	1.623	115			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/10/2018	TO: TD5	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Cương - VTHU - HTNam	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN DUY ĐỨC	TD5	13	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
2	TRỊNH ANH TRƯỞNG	TD5	12	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG NHẬT QUANG	TD5	10	1	2		55	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ VŨNG NGỌC	TD5	09	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN BA HOA	TD5	23	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM VĂN SƠN	TD5	18	1	7		56	KHOAN	Vietnamese
7	ĐÌNH QUANG CHIẾN	TD5	15	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
8	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD5	22	1	9		55	KHOAN	Vietnamese
9	LẠI CAO THANH	TD5	19	1	9		64	KHOAN	Vietnamese
10	MAI THÈ HIỀN	TD5	20-21	2	12		94	KHOAN	Vietnamese
11	TẠ HOÀI TRANG	TD5	03	1	5		71	ANTOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH TÂM	TD5	05	1	8		67	YTE	Vietnamese
13	TRẦN TRUNG THẮNG	TD5	04	1	2		75	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THẢO	TD5	01	1	3		76	PSV	Vietnamese
15	ĐẶNG VĂN THUẬN	TD5	08	1	5		82	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐẶNG NGỌC	TD5	11	1	4		73	PSV	Vietnamese
17	TRẦN MINH HÙNG	TD5	16	1	5		83	PSV	Vietnamese
18	TRỊNH QUỐC HÙNG	TD5	07	1	3		71	PSV	Vietnamese
19	ĐOÀN TRUNG KIẾN	TD5	02	1	3		55	PSV	Vietnamese
20	PHẠM QUANG HUY	TD5	17	1	4		63	PSV	Vietnamese
21	NGO VĂN GIAO	TD5	14	1	5		88	PSV	Vietnamese
22	KIEU VĂN TUÂN	TD5	06	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	23	117	1.558	0	22		
TOTAL		22	23	117	1.558	0	22		
WEIGHT KG				117	1.558	0			

GRAND TOAL: 1.675 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/10/2018	TO: PVD2 - CTK3	AIRCRAFT: 428	ETD: 14:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: HÙNG - Hạnh - MQUÂN	ETA: 16:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZHIGALO	PVD2	53	1	10	31	101	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN HÙNG QUÂN	PVD2	64	1	8	38	70	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TÂM	PVD2	57-58	2	13		70	KHOAN	Vietnamese
4	DANG QUOC KHANH	PVD2	51-52	2	15		83	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VIỆT HIẾU	PVD2	60-61	2	10		68	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN LUÂN	PVD2	50	1	10		64	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC PHONG	PVD2	55	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
8	LƯƠNG VĂN TRƯỞNG	PVD2	59	1	9		69	KHOAN	Vietnamese
9	HỒ NGỌC HAI	PVD2	56	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
10	ĐINH CÔNG DUYỆT	PVD2	62-63	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẶNG XUÂN SƠN	CTK3	23-24	2	15		77	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM BA HOANG	CTK3	30	1	5	3	69	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THĂNG	CTK3	26	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG CHUÔNG	CTK3	32-33	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG VIỆT HUNG	CTK3	25	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI MINH HAI	CTK3	29	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐINH QUANG HOAN	CTK3					68	KH-THAC	Vietnamese
18	TRƯƠNG VĂN HAI	CTK3	28	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NGHĨA TIN	CTK3	27	1	5	15	77	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN MINH DIỆN	CTK3	37	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN PHÚC PHƯỢNG	CTK3	36	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM VĂN NHUẬN	CTK3	38	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	10	14	105	735	69	6		
2	CTK3	12	13	64	858	18	16		
TOTAL		22	27	169	1.593	87	22		
WEIGHT KG				169	1.593	87			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/10/2018	TO: PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:45
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - DTùng	ETA: 14:15
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ XUÂN MINH	PPD	42	1	4	11	76	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN ĐÌNH THẮNG	PPD	44	1	5	20	52	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN VĂN THẮNG	PPD	35	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ SỸ KHOA	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOÀN VĂN THUẬN	PPD	43	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN XUÂN QUY	PPD	46	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TÔ QUANG HUY	PPD					74	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ XUÂN HÀ	PPD	40	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
9	TRỊNH VĂN NHÀ	PPD	38	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG NHẬT QUANG	PPD	53	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH TRUNG	PPD					68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DANH TUAN	PPD	51-52	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN XUÂN HAI	PPD	45	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN THANH NAM	PPD	58	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN NGỌC CÚ	PPD	41	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGÔ SÁCH ĐỨC	PPD	47	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN THANH BÌNH	PPD	37	1	8		86	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TRƯỜNG SƠN	PPD	36	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
19	RONIZ DILLO ABAYARI	PPD	54-55	2	12		102	KHI	Filipino
20	HÀ DUY LONG	PPD	56-57	2	17		69	KHI	Vietnamese
21	LÊ ĐÌNH THAO	PPD	48-49	2	15	8	68	KHI	Vietnamese
22	PHAN THANH NAM	PPD	39	1	6		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	23	121	1.583	39	22		
TOTAL		22	23	121	1.583	39	22		
WEIGHT KG				121	1.583	39			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/10/2018	TO: VSP02	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:30
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: HỒI - TRƯỜNG - Năm	ETA: 16:45
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TẠ VĂN CƯỜNG	VSP02	96	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN THẾ CƯỜNG	VSP02					72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN LƯƠNG HÀ	VSP02	900	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGÔ ĐỨC TRI	VSP02	10	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN HIỆP	VSP02	93	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN DUY PHÚC	VSP02	16	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN GIA KHÁNH	VSP02	13-14	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	08	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN GIA LONG	VSP02					72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	VSP02				40	73	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ DUY HOÀN	VSP02	06	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN BÌNH	VSP02	94-95	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	05	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02					67	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐOÀN THANH MAI	VSP02	07	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN PHÚ	VSP02	98	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
17	LUƠNG QUANG TUYẾN	VSP02	99	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	04	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	15	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP02	97	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	ARTIUSHIN	VSP02	09	1	15		90	ANTOAN	Russian
22	LUƠNG THE HIEN	VSP02	17	1	6		62	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	22	20	131	1.534	40	22		
	TOTAL	22	20	131	1.534	40	22		
	WEIGHT KG			131	1.534	40			

GRAND TOAL: 1.705 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/10/2018	TO: CTK3 - P5 - AMD	AIRCRAFT: 416	ETD: 14:30
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: Cương - VTHU - HTNam	ETA: 16:30
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN VĂN CHUYỀN	CTK3	82	1	3		48	KH-THAC	Vietnamese
2	TÔ VIỆT HÙNG	CTK3	84	1	6	24	62	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY HẢO	CTK3	76	1	11		61	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	CTK3	80	1	16		70	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN CÔNG AN	CTK3	75	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN ANH TUẤN	CTK3	81	1	10		58	XAYLAP	Vietnamese
7	VUÔNG MAI	CTK3	77-78	2	20	5	66	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐẠO THE HÙNG	CTK3	62	1	5		72	NIPI	Vietnamese
9	POSPELOV	CTK3	74	1	5		94	NIPI	Russian
10	PIVNIK	CTK3	73	1	6		101	NIPI	Russian
11	NGUYỄN MANH TIẾN	CTK3	83	1	4		54	PSV	Vietnamese
12	PHẠM NGỌC CHIẾN	CTK3	85	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
13	VÕ TRUNG HIỆU	AMD	93	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI SY QUYÊN	AMD	94	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ HUY BẠC	AMD	200	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG BA LINH	AMD	96-97	2	11		76	KH-THAC	Vietnamese
17	VO TUAN ANH	AMD	72-73	2	14		62	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ ĐẶC ĐÔNG	AMD	98	1	5		55	PSV	Vietnamese
19	PHAN TÀ ĐIỆP	AMD	95	1	5		55	PSV	Vietnamese
20	ĐỖ XUÂN CHÍNH	AMD	99	1	8		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	12	13	98	819	29	6		
2	P5	0	0	0	0	0	6		
3	AMD	8	10	59	528	0	10		
TOTAL		20	23	157	1.347	29	22		
WEIGHT KG				157	1.347	29			

GRAND TOAL: 1.533 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/10/2018

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK5+TD3+TD2	7:25	8+11+1	0+0+0		3+14+0	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1 NGƯỜI TỪ PPD VỀ QUA GIÀN TD03

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/10/2018	TO: BK5 - TD3 - TD2	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐTuấn - PTUẤN	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN SỸ ANH TÚ	BK5	72	1	15	21	65	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI NGOC HOANG	BK5	68-69	2	15	40	63	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN VĂN CẨM	BK5	70-71	2	16		64	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐOÀN VĂN THANH	BK5	82-83	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT HUNG	BK5	75	1	12		57	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN TRƯỜNG BIÊN	BK5	65-66	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
7	NGO VĂN QUÂN	BK5	67	1	15		52	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ ĐỨC CƯỜNG	BK5	74	1	6		63	PSV	Vietnamese
9	ĐANG VĂN HÂN	TD3	86	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN TUẤN ANH	TD3	83	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VĂN KHOA	TD3	70	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
12	VÔ VĂN DUNG	TD3	84	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN LÊ KIẾN	TD3	81	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
14	HUYNH AI HỮU	TD3	85	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
15	KHUAT QUANG KIẾN	TD3	71	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM HUNG DƯƠNG	TD3	82	1	5		93	KHOAN	Vietnamese
17	HÀ VĂN PHÚC	TD3					76	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HUNG	TD3	700	1	6		79	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC MINH	TD3	88	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THỰC	TD2	68	1	9	40	84	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	8	12	112	489	61	3		
2	TD3	11	10	52	828	0	14		
3	TD2	1	1	9	84	40	0		
TOTAL		20	23	173	1.401	101	17		
WEIGHT KG				173	1.401	101			

GRAND TOAL: 1.675 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

